TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2023/HS-ST
Ngày 11-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo;

Ông Tống Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trọng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 11 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 142/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2023/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Trần Quốc H, sinh ngày 06/11/1992 tại Bình Định; nơi cư trú: thôn H, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Trần Thị C, không rõ tên cha; có vợ tên Lê Thị Đ1 và 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm tạm giam từ ngày 28/7/2022 cho đến nay; có mặt.

2. Trần Th, sinh ngày 10/5/1984 tại Phú Yên; nơi cư trú: thôn Th, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Q và bà Trần Thị T1; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Bản án số 42/HS-ST ngày 22/9/2004 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Phú Yên xử phạt Trần Th 04 tháng 03 ngày tù về tội Trộm cắp tài sản, được trả tự do ngày 22/9/2004.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm tạm giam từ ngày 29/12/2022 cho đến nay; có mặt.

3. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 01/01/1975 tại Trà Vinh; nơi cư trú: Ấp N, xã Ng, huyện K, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị K; có vợ tên Hồ Thị Ánh N và 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm tạm giam từ ngày 13/02/2023 cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại:* Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Tr; địa chỉ: Đường ĐT747, khu phố 7, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Ngọc G; chức vụ: Trưởng bộ phận pháp chế, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 04/8/2023); có đơn xin vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Lê Thị Đ1, sinh năm 1995; nơi cư trú: thôn H, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; chỗ ở hiện nay: 27A/11 đường B, khu phố B, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương; có mặt;

2. Bà Hồ Thị Ánh N, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp N, xã Ng, huyện K, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở hiện nay: Khu phố B, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Phạm Thị Hà P và bà Nguyễn Thị T3; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Quốc H là thủ kho thuộc khối kho vận, Trần Th là tài xế xe nâng và Nguyễn Văn Đ là bảo vệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Tr (sau đây viết tắt là Công ty Tr) thuộc khu phố 7, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Do không có tiêu tiêu xài, Th nảy sinh ý định chiếm đoạt ván ép của Công ty Tr do H trực tiếp quản lý đem bán. Thực hiện ý định, Th bàn bạc với H cùng chiếm đoạt ván ép trong kho của công ty mang ra ngoài bán lấy tiền tiêu xài, H đồng ý. H và Th thoả thuận số tiền bán được sẽ chia đôi, mỗi người một nửa. H nói Đ (là ca trưởng bảo vệ trực tại cổng chính của Công ty Tr) trong kho có ít ván dư đem ra ngoài bán kiếm tiền tiêu xài, Đ chỉ cần mở cổng để cho xe vào công ty chở ván ép đi tiêu thụ, Đ đồng ý. Sau đó, H lên các trang Web để tìm kiếm người mua ván ép thì liên hệ được với bà Phạm Thị Hà P là quản lý của Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ - Sản xuất Y có địa chỉ tại xã A, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Bà P hỏi H nguồn gốc ván gỗ ép, H nói là các ván gỗ ép dư của Công ty Tr, công ty yêu cầu H thanh lý, bà P đồng ý mua với giá trên thị trường và thuê xe ô tô tải dịch vụ của bà Nguyễn Thị T3 đến Công ty Tr lấy hàng. H, Th và Đ đã thực hiện hành vi chiếm đoạt ván ép của Công ty Tr, cụ thể như sau:

- *Lần thứ 1:* Ngày 06/12/2021, H gọi điện thoại và bảo bà P đến Công ty Tr lấy ván ép. Bà P gọi điện yêu cầu bà T3 cho xe đến Công ty Tr chở hàng. Sau đó,

ông Huỳnh Ngọc Ch là tài xế lái xe thuê của bà T3 điều khiển xe ô tô biển số 61H-04738 đến Công ty Tr chở ván ép. Khi đến nơi, Th điều khiển xe nâng nâng 02 kiện ván gỗ (ván ép) vận chuyển lên thùng xe 61H-04738, 02 kiện ván gỗ này chứa loại ván gỗ CARB P2 kích thước 6x1220x2440, tổng 02 kiện hàng khoảng 110 tấm ván gỗ. Sau khi vận chuyển hàng xong, H đưa cho ông Ch 01 phiếu xuất kho do H tự viết và ký tên. Ông Ch điều khiển xe chạy ra cổng công ty và đưa phiếu xuất kho cho Đ. Đ biết số hàng này là do H chiếm đoạt của công ty nên mở cổng để ông Ch điều khiển xe ra ngoài. Số hàng này được bà P mua với số tiền 39.000.000 đồng. H chia cho Th 16.000.000 đồng và chia cho Đ khoảng 2.000.000 đồng.

- *Lần thứ 2:* Ngày 18/12/2021, H gọi điện thoại và bảo bà P đến Công ty Tr lấy ván ép. Sau đó, ông Ch điều khiển xe ô tô biển số 61H-04738 đến công ty, Th điều khiển xe nâng nâng 04 kiện ván gỗ (ván ép) vận chuyển lên thùng xe 61H-04738, 04 kiện ván gỗ gồm: 02 kiện hàng chứa loại ván ép CARB P2 kích thước 12x1220x2440; 01 kiện hàng chứa ván ép CARB P2 kích thước 18x1220x2440 và 01 kiện hàng chứa ván ép hỗn lộn giữa ván ép CARB P2 kích thước 12x1220x2440 và ván ép CARB P2 kích thước 18x1220x2440. Tổng 04 kiện hàng chứa khoảng 200 tấm ván gỗ. Sau khi vận chuyển hàng xong, H đưa cho ông Ch 01 phiếu xuất kho do H tự viết và ký tên. Ông Ch điều khiển xe chạy ra cổng công ty và đưa phiếu xuất kho cho Đ. Đ mở cổng cho ông Ch điều khiển xe ra ngoài. Số hàng này được bà P mua với số tiền là 68.000.000 đồng. H chia cho Th 30.000.000 đồng và chia cho Đ khoảng 2.000.000 đồng.

- *Lần thứ 3:* Ngày 20/12/2021, H gọi điện thoại và bảo bà P đến Công ty Tr lấy ván ép. Sau đó, ông Ch điều khiển xe ô tô biển số 61H-04738 đến công ty, Th điều khiển xe nâng nâng 02 kiện ván gỗ (ván ép) vận chuyển lên thùng xe 61H-04738, 02 kiện hàng này là ván ép CARB P2 kích thước là 12x1220x2440 chứa khoảng 120 tấm ván ép. Sau khi vận chuyển hàng xong, H đưa cho ông Ch 01 phiếu xuất kho do H tự viết và ký tên. Ông Ch điều khiển xe chạy ra cổng công ty và đưa phiếu xuất kho cho Đ. Đ mở cổng cho ông Ch điều khiển xe ra ngoài. Số hàng này được bà P mua với số tiền 24.000.000 đồng. H chia cho Th 8.000.000 đồng và chia cho Đ khoảng 2.000.000 đồng.

- *Lần thứ 4:* Ngày 21/12/2021, H tiếp tục gọi điện thoại bảo bà P đến Công ty Tr lấy ván ép. Ông Ch điều khiển xe ô tô biển số 61H-04738 đến công ty, Th điều khiển xe nâng nâng 02 kiện ván gỗ (ván ép) vận chuyển lên thùng xe 61H-04738, 02 kiện hàng gồm: 01 kiện hàng chứa ván ép CARB P2 kích thước 12x1220x2440; 01 kiện hàng chứa ván ép CARB P2 kích thước 18x1220x2440. Tổng là 02 kiện hàng chứa khoảng 105 tấm ván ép. Sau khi vận chuyển hàng xong, H đưa cho ông Ch 01 phiếu xuất kho do H tự viết và ký tên. Ông Ch điều khiển xe chạy ra cổng công ty và đưa phiếu xuất kho cho Đ. Đ mở cổng cho ông Ch điều khiển xe ra ngoài. Số hàng này được bà P mua với số tiền 23.410.000 đồng. H chia cho Th 9.000.000 đồng và chia cho Đ khoảng 2.000.000 đồng.

- *Lần thứ 5:* Ngày 24/12/2021, H tiếp tục gọi điện thoại bảo P đến Công ty Tr lấy ván ép. Ông Ch điều khiển xe ô tô biển số 61H-04738 đến công ty, Th điều

khiển xe nâng, nâng 04 kiện ván gỗ (ván ép) vận chuyển lên thùng xe 61H-04738, 04 kiện hàng gồm: 02 kiện hàng chứa ván ép CARB P2 kích thước 9x1220x2440; 01 kiện hàng chứa các ván ép hỗn lộn giữa ván ép CARB P2 kích thước 6x1220x2440 – ván ép CARB P2 kích thước 12x1220x2440 – ván ép CARB P2 kích thước 18x1220x2440 và 01 kiện hàng chứa ván ép MDF CARB P2 kích thước 17x1220x2440. Tổng là 04 kiện hàng chứa khoảng 220 tấm ván ép. Sau khi vận chuyển hàng xong, H đưa cho ông Ch 01 phiếu xuất kho do H tự viết và ký tên. Ông Ch điều khiển xe chạy ra cổng công ty và đưa phiếu xuất kho cho Đ. Đ mở cổng cho ông Ch điều khiển xe ra ngoài. Số hàng này được bà P mua với số tiền 39.800.000 đồng. H chia cho Th 16.000.000 đồng và chia cho Đ khoảng 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

- *Lần thứ 6:* Ngày 29/12/2021, H tiếp tục gọi điện thoại cho bà P đến Công ty Tr lấy ván ép. Ông Ch điều khiển xe ô tô biển số 61H-04738 đến công ty, Th điều khiển xe nâng, nâng 04 kiện ván gỗ (ván ép) vận chuyển lên thùng xe 61H-04738, 04 kiện hàng gồm: 03 kiện hàng chứa các ván ép hỗn lộn giữa MDF CARB P2 kích thước 3x1220x2440 - MDF CARB P2 kích thước 17x1220x2440 - MDF CARB P2 kích thước 21x1220x2440 và 01 kiện hàng chứa ván ép CARB P2 kích thước là 6x1220x2440. Tổng là 04 kiện hàng chứa khoảng 195 tấm ván ép. Sau khi vận chuyển hàng xong, H đưa cho ông Ch 01 phiếu xuất kho do H tự viết và ký tên. Ông Ch điều khiển xe chạy ra cổng công ty và đưa phiếu xuất kho cho Đ. Đ mở cổng cho ông Ch điều khiển xe ra ngoài. Số hàng này được bà P mua với số tiền 29.300.000 đồng. H chia cho Th 10.000.000 đồng và chia cho Đ khoảng 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

Đến ngày 20/01/2022, Công ty Tr trình báo vụ việc bị mất 950 tấm ván ép đến Công an phường U. Công an phường U tiếp nhận tin báo, lập hồ sơ và chuyển cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã (nay là thành phố) T thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt các ván ép của Công ty Tr, H, Th và Đ đã nghỉ việc và bỏ trốn. Sau đó lần lượt vào ngày 28/7/2022, ngày 29/12/2022 và ngày 13/02/2023, H, Th và Đ đến Công an thị xã (nay là thành phố) T đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 28/KLTS-TTHS ngày 29/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã (nay là thành phố) T kết luận:

- 11 tấm ván MDF CARB P2 (BT) 3x1220x2440 có giá trị là 711.711 đồng.

- 40 tấm ván MDF CARB P2 (D4) 21x1220x2440 có giá trị là 15.018.080 đồng.

- 50 tấm ván MDF CARB P2 17x1220x2440 có giá trị là 14.255.000 đồng.

- 212 tấm ván ép CARB P2 ruột bất kỳ 02 mặt Poplar, P/cấp: AA 6x1220x2440 có giá 54.696.000 đồng.

- 114 tấm ván ép CARB P2 ruột bất kỳ 02 mặt Poplar, P/cấp: AA 9x1220x2440 có giá 41.040.000 đồng.

- 16 tấm ván ép CARB P2 ruột bất kỳ 02 mặt Okume, P/cấp: AA 9x1220x2440 có giá 4.560.000 đồng.

- 360 tấm ván ép CARB P2 ruột bất kỳ 02 mặt Poplar, P/cấp: AA 12x1220x2440 có giá 154.440.000 đồng.

- 122 tấm ván ép CARB P2 ruột bất kỳ 02 mặt Poplar, P/cấp: AA 18x1220x2440 có giá 73.810.000 đồng.

- 25 tấm ván ép P2CARB P2 ruột bất kỳ 02 mặt Poplar, P/cấp: AA 6x1220x2440 có giá 54.696.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị Đ1 là vợ của Trần Quốc H đã bồi thường 202.000.000 đồng và bà Hồ Thị Ánh N là vợ của Nguyễn Văn Đ đã bồi thường 15.000.000 đồng cho người đại diện của Công ty Tr.

Bản Cáo trạng số 170/CT-VKSTU ngày 25/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Trần Quốc H, Trần Th và Nguyễn Văn Đ về tội "Tham ô tài sản" theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

+ Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Quốc H từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Th từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo Trần Th tiếp tục bồi thường 145.140.916 đồng; bị cáo đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- *Tại đơn yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự và xin vắng mặt tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại trình bày:* Bị hại đã nhận được số tiền bồi thường là 202.000.000 đồng từ bà Lê Thị Đ1 - vợ của Trần Quốc H và 15.000.000 đồng từ bà Hồ Thị Ánh N - vợ của Nguyễn Văn Đ. Bị hại yêu cầu bị cáo Trần Th tiếp tục bồi thường số tiền 145.140.916 đồng và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do bận công việc, người đại diện hợp pháp của bị hại xin vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lê Thị Đ1 trình bày:* Bà Đ1 là vợ của bị cáo Trần Quốc H. Sau khi sự việc xảy ra, bà Đ1 đã bồi thường cho đại diện Công ty Tr số tiền 202.000.000 đồng. Đây là tiền của gia đình, bà Đ1 không yêu cầu các bị cáo trả lại.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Hồ Thị Ánh N trình bày:* Bà N là vợ của bị cáo Nguyễn Văn Đ. Sau khi sự việc xảy ra, bà N đã bồi thường cho đại diện Công ty Tr số tiền 15.000.000 đồng. Đây là tiền của gia đình, bà N không yêu cầu bị cáo Đ trả lại.

Các bị cáo Trần Quốc H, Trần Th và Nguyễn Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo Trần Th đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 145.140.916 đồng; các bị cáo thống nhất tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng, không có ý kiến tranh luận.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo cơ hội sửa chữa lỗi lầm để trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin vắng mặt và những người làm chứng vắng mặt. Quá trình điều tra, lời khai của họ không mâu thuẫn với lời khai của các bị cáo và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát và các bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt những người này. Xét thấy, việc vắng mặt của người đại diện hợp pháp của bị hại và những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người này.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo Trần Quốc H, Trần Th và Nguyễn Văn Đ tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án như vật chứng thu giữ, lời khai của Bị hại, người làm chứng. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Từ ngày 06/12/2021 đến ngày 29/12/2021, tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Tr (sau đây viết tắt là Công ty Tr) thuộc khu phố 7, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Trần Quốc H với chức vụ thủ kho là người có trách nhiệm quản

lý tài sản của Công ty Tr cùng với Trần Th và Nguyễn Văn Đ đã chiếm đoạt 950 tấm ván ép của Công ty Tr. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 362.140.916 đồng.

Do đó, hành vi của Trần Quốc H, Trần Th và Nguyễn Văn Đ đủ yếu tố cấu thành tội "Tham ô tài sản" theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự.

[4] Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố các bị cáo với hai tội danh và khung hình phạt như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi, bị cáo H lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để cùng Th và Đ chiếm đoạt tài sản của doanh nghiệp. Hành vi của các bị cáo trực tiếp xâm phạm đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Về đồng phạm: Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Th biết bị cáo H là thủ kho của Công ty Tr có trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty nên khởi xướng, rủ rê bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội; H là người trực tiếp tìm kiếm, liên lạc với người mua, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội và chỉ đạo cho Đ để cùng H thực hiện hành vi, Đ giữ vai trò là người thực hành tích cực. Do đó, khi quyết định hình phạt sẽ xem xét toàn diện về vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã đầu thú; quá trình điều tra, bị cáo H và Đ đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; các bị cáo được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, bị cáo H và Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Th được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Về hình phạt đối với các bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo H, Th có nhiều tình tiết giảm nhẹ, một phần lớn thiệt hại được bị cáo H tự nguyện khắc phục, do đó cần xử phạt các bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt để vừa giáo dục, răn đe các bị cáo vừa thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ tham gia phạm tội với vai trò giúp sức cho bị cáo H và bị cáo Th nhưng vai trò không đáng kể, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, số tiền bị cáo hưởng lợi không lớn, khi xảy ra sự việc, bị cáo đã tích cực cùng bị cáo H bồi thường phần lớn thiệt hại cho bị hại cho nên bị cáo đủ điều kiện áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ sức răn đe đối với bị cáo.

[10] Mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa đối với các bị cáo là quá nghiêm khắc so với tội phạm các bị cáo gây ra, chưa tương xứng với mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự nên chưa phù hợp.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo Th bồi thường 145.140.916 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Th và các bị cáo khác đồng ý liên đới bồi thường cho bị hại số tiền nêu trên. Theo qui định tại Điều 587 Bộ luật dân sự, các bị cáo có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại 362.140.916 đồng tương ứng với mức độ lỗi của mỗi bị cáo. Bị cáo H đã nộp lại số tiền chiếm đoạt là 202.000.000 đồng, bị cáo Đ nộp 15.000.000 đồng, không yêu cầu bị cáo Th hoàn trả. Xét thấy, bị cáo H và bị cáo Th có lỗi ngang nhau và cùng hưởng lợi với số tiền bằng nhau nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong việc bồi thường thiệt hại. Bị cáo Đ có vai trò hạn chế, hưởng lợi ít hơn hai bị cáo còn lại và đã nộp lại toàn bộ số tiền hưởng lợi, trong khi đó bị cáo Th chưa thực hiện trách nhiệm bồi thường. Do đó, cần buộc bị cáo Th bồi thường số tiền 145.140.916 đồng cho bị hại.

[12] Bà Phạm Thị Hà P và bà Nguyễn Thị T3 không biết 950 tấm ván gỗ ép do H, Th và Đ chiếm đoạt của Công ty Tr nên đã đồng ý mua và vận chuyển, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không đề nghị xử lý là phù hợp.

[13] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phạm tội, bị kết án và phải bồi thường trách nhiệm dân sự nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Quốc H, Trần Th và Nguyễn Văn Đ phạm tội "Tham ô tài sản".

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1 Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Quốc H 07 (Bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/7/2022.

1.2 Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Th 07 (Bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/12/2022.

1.3 Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 04 (Bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/02/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 589 Bộ luật dân sự và Điều 48 Bộ luật Hình sự;

Buộc bị cáo Trần Th phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Tr số tiền 145.140.916 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu một trăm bốn mươi nghìn chín trăm mười sáu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Buộc mỗi bị cáo Trần Quốc H, Trần Th và Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Trần Th phải chịu 7.257.046 đồng (Bảy triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Công an thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Tâm